

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế. Chuyên ngành: Kinh tế học.

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM HỒNG MẠNH

2. Ngày tháng năm sinh: 20/10/1975; Nam  Nữ  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Nghĩa Thắng (nay là xã Phúc Thắng), huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 27, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 27, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0913539068; E-mail: [manhph@ntu.edu.vn](mailto:manhph@ntu.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9 năm 1993 đến tháng 9 năm 1996: Là quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Từ tháng 10 năm 1996 đến tháng 03 năm 2001: Là sinh viên ngành Kinh tế tại Trường Đại học Thủy sản.

- Từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 7 năm 2019: Là giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang).

- Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 04 năm 2023: Là giảng viên chính Khoa Kinh tế kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng trường, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Trường Đại học Nha Trang.

• Từ tháng 5 năm 2023 đến nay: Là giảng viên chính Khoa Kinh tế kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng trường, Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Trường Đại học Nha Trang.

• Chức vụ hiện nay: Thư ký Hội đồng trường, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Trường Đại học Nha Trang.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Nha Trang

Địa chỉ cơ quan: 02 Nguyễn Đình Chiểu, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại cơ quan: 02583831149

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 03 năm 2001; số văn bằng: B0269556; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế kỹ thuật; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy sản, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 09 năm 2006; số văn bằng: C789750; ngành: Ngoại ngữ, chuyên ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 02 năm 2023; số văn bằng: 00057542; ngành: Luật, chuyên ngành: Luật học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Vinh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 04 năm 2009; số văn bằng: 09445; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Nha Trang, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 04 năm 2013, số văn bằng: 00440/01/KH2/2005; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Nha Trang.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Với nhiệm vụ của một giảng viên kiêm nhiệm quản lý, bản thân tôi luôn nỗ lực thực hiện và tìm kiếm các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đồng thời đề xuất tham mưu giúp Nhà trường linh hoạt, thích ứng với xu hướng phát triển và hội nhập của giáo dục đại học hiện nay. Tôi luôn ý thức cao trong việc kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, giảng dạy; ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác giảng dạy và phục vụ cộng đồng. Từ quá trình được đào tạo, giảng dạy chuyên ngành và hoạt động thực tiễn, tôi đã tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chính, đó là: (1) Nghiên cứu về đói nghèo và sinh kế góp phần cải thiện điều kiện sống cho ngư dân nói riêng và người dân nông thôn nói chung; và (2) Nghiên cứu về tăng trưởng và phát triển bền vững nền kinh tế.

**-Hướng nghiên cứu thứ nhất:** Nghiên cứu về đói nghèo và sinh kế góp phần cải thiện điều kiện sống cho ngư dân nói riêng và người dân nông thôn nói chung. Đây là hướng nghiên cứu chủ đạo và xuyên suốt của tôi từ bậc đại học đến tiến sĩ, đồng thời cũng là hướng nghiên cứu cần thiết để giải quyết các vấn đề bức thiết hiện nay của ngành thủy sản nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung. Kết quả theo hướng nghiên cứu này được thể hiện thông qua các đề tài, bài báo và báo cáo khoa học:

- Bài báo và báo cáo khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu thứ nhất

+ Số lượng: 13 bài viết

+ Số thứ tự trong mẫu (Mục 7.1.a): [1], [3], [4], [5], [7], [11], [13], [30], [33], [45], [48], [52], [65].

- Sách phục vụ đào tạo

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 5): [1].

- Đề tài khoa học

+ Số lượng: 03

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 6): [1], [2], [5].

- Hướng dẫn học viên cao học

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 4): [1], [5].

**-Hướng nghiên cứu thứ hai:** Nghiên cứu về tăng trưởng và phát triển bền vững nền kinh tế. Trên cơ sở và nền tảng kiến thức chuyên môn được đào tạo, kinh nghiệm thực tiễn của bản thân và cùng với quá trình tham gia kiêm nhiệm công tác quản lý đã giúp cho tôi thu nhận và tích lũy được những kiến thức, những hiểu biết nhất định về tăng trưởng và phát triển bền vững nền kinh tế. Xuất phát từ những khởi nguồn đó, kế thừa hướng nghiên cứu thứ nhất, tôi đã tập trung nghiên cứu các nội dung để đáp ứng từ những nhu cầu và yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Kết quả theo hướng nghiên cứu thứ hai này bao gồm:

- Bài báo và báo cáo khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu thứ hai

+ Số lượng: 24 bài viết

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 7.1.a): [9], [11], [12], [14], [15], [16], [17], [22], [23], [25], [26], [27], [28], [29], [32], [49], [51], [53], [54], [56], [57], [63], [64], [68].

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ:

+ Số lượng: 03

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 7.1.a): [14], [15], [16].

- Sách phục vụ đào tạo

+ Số lượng: 03

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 5): [2], [3], [4].

- Đề tài khoa học

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 6): [3], [4].

- Hướng dẫn học viên cao học

+ Số lượng: 03

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Mục 4): [2], [3], [4].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài, trong đó chủ nhiệm 01 đề tài cấp Tỉnh; chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở, 01 chuyên đề cấp cơ sở.

- Đã công bố (số lượng) 48 bài báo khoa học, trong đó có 04 bài trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng)....bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

| Năm  | Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng | Số và ngày cấp Quyết định của danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành Quyết định               |
|------|--|--|
| 2018 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở                 | Quyết định số 1237/QĐ-ĐHNT ngày 15/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.       |
| 2019 | Lao động tiên tiến                         | Quyết định số 1498/QĐ-ĐHNT ngày 14/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.       |
|      | Bằng khen                                  | Quyết định số 2907/QĐ-BNN-TCCB, ngày 26/07/2019 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. |
|      | Bằng khen                                  | Quyết định số 1194/QĐ-BNN-TCCB, ngày 29/07/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận.                  |

|      |                                      |   |
|------|--------------------------------------|---|
| 2020 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở           | Quyết định số 1447/QĐ-ĐHNT ngày 26/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.              |
|      | Giấy khen                            | Quyết định số 861/QĐ-CBQLGDHCM ngày 12/11/2020 của Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP Hồ Chí Minh. |
| 2021 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở           | Quyết định số 1359/QĐ-ĐHNT ngày 15/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.              |
|      | Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục | Quyết định số 3268/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.                 |
|      | Bằng khen                            | Quyết định số 48/QĐKT-CCB ngày 01/12/2021 của BCH Trung Ương Hội CCB Việt Nam.                    |
| 2022 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở           | Quyết định số 1424/QĐ-ĐHNT ngày 19/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.              |
|      | Bằng khen                            | Quyết định số 3979/QĐ-BGDĐT ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.                 |
| 2023 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở           | Quyết định số 1638/QĐ-ĐHNT ngày 26/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.              |
|      | Giấy khen                            | Quyết định số 1578/QĐ-ĐHNT ngày 17/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.              |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo**

Trong gần 23 năm công tác, với vai trò và nhiệm vụ của là một giảng viên, tôi luôn ý thức cao trong việc rèn luyện và tu dưỡng phẩm chất đạo đức, đồng thời không ngừng nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn của mình; hoàn thành mọi nhiệm vụ do tổ chức giao, như: giảng dạy bậc đào tạo đại học, sau đại học; tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và biên soạn tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo.

- Về phẩm chất đạo đức nhà giáo

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội viên Hội CCB Việt Nam và đồng thời vừa là nhà giáo, tôi luôn nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chấp hành tốt các nội quy, quy chế, quy định của ngành, Nhà trường và địa phương nơi cư trú; gương mẫu thực hiện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; nỗ lực phấn đấu, không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và trở thành tấm gương cho sinh viên và học viên noi theo.

- Về công tác giảng dạy

Được phân công thực hiện nhiệm vụ giảng dạy bậc đại học và sau đại học cho chuyên ngành Kinh tế của Trường Đại học Nha Trang, tôi luôn đảm bảo hoàn thành định mức giảng dạy theo quy định. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn tích cực sử dụng phương pháp giảng dạy mới, lấy người học làm trung tâm để phát huy năng lực của người học; kết hợp giữa giảng dạy và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào trong các bài giảng của mình;

gắn nội dung giảng dạy với thực tiễn và những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của xã hội. Bên cạnh đó, tôi còn tham gia hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn cao học cũng như tham gia xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo cho ngành kinh tế của Trường Đại học Nha Trang.

- Về nghiên cứu khoa học

Là một giảng viên gắn liền với công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong gần 23 năm qua, ngoài hoạt động giảng dạy, tôi đã chủ trì một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp cơ sở. Các đề tài đều được thực hiện theo thời hạn cho phép của các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời gắn hoạt động nghiên cứu của mình với việc công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, tôi còn được Nhà trường giao nhiệm vụ chủ trì nghiên cứu viết, trình bày các báo cáo tham luận phục vụ cho các Hội thảo, Hội nghị theo đặt hàng của một số cơ quan Trung Ương, như: Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, của Ban Kinh tế Trung Ương, v.v... Ngoài ra, tôi còn là chủ biên và trực tiếp biên soạn một số tài liệu tham khảo, chuyên khảo để phục vụ cho công tác đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang.

- Về ứng dụng chuyên môn trong công tác quản lý và phục vụ cộng đồng

Khi tôi được phân công kiêm nhiệm các vị trí quản lý, bản thân đã vận dụng chuyên môn của mình để cùng tập thể lãnh đạo đơn vị và Nhà trường, các thầy giáo, cô giáo; viên chức và người lao động xây dựng và triển khai để hiện thực hóa Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; tham mưu xây dựng các văn bản phục vụ cho công tác quản trị của Nhà trường; đề xuất cải tiến mô hình quản trị đại học, công tác quản trị tài chính, v.v... đã góp phần tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường Đại học Nha Trang. Cùng với cán bộ viên chức của đơn vị, tôi đã tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tại các địa phương của tỉnh Khánh Hòa góp phần xây dựng hình ảnh nhà giáo trong thời kỳ mới.

Với những nỗ lực trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, bản thân tôi luôn nhận được sự tôn trọng, tin tưởng của người học, đồng nghiệp và xã hội và đã nhiều lần được cấp trên ghi nhận, khen thưởng.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|----|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
|    |           | Chính                     | Phụ |                                    |   | ĐH                                 | SDH |   |
| 1  | 2018-2019 | 0                         | 0   | 1                                  | 0                                       | 90                                 | 105 | 195/1251,75/270   |
| 2  | 2019-2020 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 45                                 | 150 | 195/1357,5/68   |

|                 |           |   |   |   |   |    |     |               |
|-----------------|-----------|---|---|---|---|----|-----|---------------|
| 3               | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 |   | 30 | 105 | 135/758/68    |
| 03 năm học cuối |           |   |   |   |   |    |     |               |
| 4               | 2021-2022 | 0 | 0 | 1 |   | 0  | 180 | 180/812/68    |
| 5               | 2022-2023 | 0 | 0 | 1 | 5 | 0  | 135 | 135/576/68    |
| 6               | 2023-2024 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0  | 135 | 135/418,25/68 |

(\*) *Chú thích tính số giờ chuẩn định mức: Bảng tính giờ chuẩn định mức trong 6 năm học từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024 (tính đến ngày 30/6/2024) được tính toán theo bảng chi tiết sau đây:*

| Năm học   | Số giờ chuẩn | Định mức thực hiện | Số giờ chuẩn định mức | Ghi chú về chức vụ năm giữ               | Văn bản tham chiếu |
|-----------|--------------|--------------------|-----------------------|--|--------------------|
| 2018-2019 | 270          | 100%               | 270                   | Giảng viên                               | (**)               |
| 2019-2020 | 270          | 25%                | 68                    | Thư ký Hội đồng trường                   | (**)               |
| 2020-2021 | 270          | 25%                | 68                    | Thư ký Hội đồng trường                   | (**)<br>(***)      |
| 2021-2022 | 270          | 25%                | 68                    | Thư ký Hội đồng trường                   | (***)              |
| 2022-2023 | 270          | 25%                | 68                    | Thư ký Hội đồng trường kiêm Trưởng phòng | (***)              |
| 2023-2024 | 270          | 25%                | 68                    | Thư ký Hội đồng trường kiêm Trưởng phòng | (***)              |

(\*\*) Thực hiện theo Quy định chế độ là việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

(\*\*\*) Thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....
- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: **R**

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Khoa học Huế trực thuộc Đại học Huế; số bằng: C789755; năm cấp: 2006.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp Đại học, các chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn bằng Tiếng Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo            | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--------------------------|---|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                          |   |
| 1  | Phan Vĩnh An                  |           | HVCH          | x                     |     | Từ 09/10/2013 đến 01/11/2014       | Trường Đại học Nha Trang | Quyết định số 315/QĐ-ĐHNT ngày 27/3/2015              |
| 2  | Nguyễn Quốc Thắng             |           | HVCH          | x                     |     | Từ 10/5/2017 đến 8/11/2017         | Trường Đại học Nha Trang | Quyết định số 1365/QĐ-ĐHNT ngày 28/12/2017            |
| 3  | Lê Phương Thanh               |           | HVCH          | x                     |     | Từ 11/5/2018 đến 11/3/2019         | Trường Đại học Nha Trang | Quyết định số 432/QĐ-ĐHNT ngày 28/3/2019              |
| 4  | Nguyễn Đức Sơn                |           | HVCH          | x                     |     | Từ 17/5/2022 đến 15/11/2022        | Trường Đại học Nha Trang | Quyết định số 1708/QĐ-ĐHNT ngày 30/12/2022            |
| 5  | Nguyễn Sỹ Phú                 |           | HVCH          | x                     |     | Từ 04/11/2022 đến 15/5/2023        | Trường Đại học Nha Trang | Quyết định số 2036/QĐ-ĐHNT ngày 28/12/2023            |

Kèm theo Quyết định giao hướng dẫn luận văn thạc sĩ, Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.

- Hướng nghiên cứu 1: Có 02 HVCH, cụ thể:



-Số thứ tự [1], tên luận văn “Đánh giá tình trạng đói nghèo và bất bình đẳng trong cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Ninh Thuận”.

-Số thứ tự [5], tên luận văn “Ảnh hưởng của đa dạng sinh kế đến thu nhập của ngư dân nghề khai thác hải sản ven bờ tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa”.

- Hướng nghiên cứu 2: Có 03 HVCH, cụ thể:

-Số thứ tự [2], tên luận văn “Phân tích đóng góp của các yếu tố nguồn lực đến tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Phú Yên”.

-Số thứ tự [3], tên luận văn “Mối quan hệ giữa mức phát khí gây hiệu ứng nhà kính và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam”.

-Số thứ tự [4], tên luận văn “Phân tích mối quan hệ giữa chỉ tiêu công cho giáo dục và tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa”.

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT                                       | Tên sách  | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                               | Số tác giả | Chủ biên         | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)   |
|--|---|----------------------------|--|------------|------------------|---|--|
| <b>I Trước khi được công nhận PGS/TS</b> |   |                            |  |            |                  |   |  |
| 1  | Khi Ròng muốn thức dậy: Loay hoay với mô hình kinh tế sau đổi mới.  | TK                         | Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Công ty Alpha books, 2011. | 29         | Phạm Đỗ Chí      | 366-385                                 | -Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Nha Trang.<br>-Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh. |
| 2  | Nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái thực: Trường hợp của Việt Nam. | TK                         | Nhà xuất bản Thanh Niên, 2012.                             | 4          | Hạ Thị Thiều Dao | 69-97                                   | -Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Nha Trang.<br>-Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh. |
| <b>II Sau khi được công nhận PGS/TS</b>  |   |                            |  |            |                  |   |  |
| 3  | Mối quan hệ giữa tăng trưởng và việc làm tại Việt Nam.              | CK                         | Nhà xuất bản Lao động, 2015. ISBN: 978-604-59-2739-7       | 03         | Phạm Hồng Mạnh   | 1-73                                    | -Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Nha Trang.<br>-Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh. |

|   |   |    |  |    |                                    |       |  |
|---|---|----|--|----|------------------------------------|-------|--|
| 4 | Nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch biển: Nghiên cứu điển hình tại tỉnh Ninh Thuận. | CK | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM, 2022.<br>ISBN: 978-604-73-9101-1 | 02 | Phạm Hồng Mạnh,<br>Nguyễn Văn Ngọc | 1-402 | -Quyết định số 1301/QĐ-ĐHNT ngày 03/12/2021 của Hiệu trưởng về việc nghiệm thu và ban hành tài liệu học tập. |
|---|---|----|--|----|------------------------------------|-------|--|

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.....

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Gồm 01 quyển có số thứ tự [1].
- Hướng nghiên cứu thứ hai: Gồm 03 quyển có số thứ tự [2], [3], [4].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)   | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý  | Thời gian thực hiện           | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ   |
|----|--|-----------|---|-------------------------------|---|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS  |           |   |                               |   |
| 1  | Đánh giá hiệu quả kinh tế của đội tàu khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn thành phố Nha Trang.    | CN        | - Mã số: TR2005-33-08.<br>- Cấp quản lý: Trường Đại học Thủy sản.                     | 23/05/2005<br>-<br>31/03/2006 | Thời gian nghiệm thu: 05/2006<br>Xếp loại: Khá        |
| 2  | Nguyên nhân và giải pháp giảm nghèo đói trong cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Khánh Hòa.           | CN        | - Mã số: TR2010-13-04.<br>- Cấp quản lý: Trường Đại học Nha Trang.                    | 12/05/2010<br>-<br>15/04/2011 | Thời gian nghiệm thu: 29/09/2011<br>Xếp loại: Khá     |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS  |           |   |                               |   |
| 3  | Chính sách việc làm và thu nhập trong phát triển triển KT bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020. | CN        | - Mã số: 05/ĐHKT/HĐ-TCPTKT.<br>- Cấp quản lý: Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. | 21/05/2013<br>-<br>03/12/2013 | Thời gian nghiệm thu: 16/12/2013<br>Xếp loại: Đạt     |
| 4  | Nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch biển tỉnh Ninh Thuận.                                | CN        | - Mã số: 16/2016/HĐ-SHKCN.<br>- Cấp quản lý: Sở KH & CN tỉnh Ninh Thuận.              | 12/2016-<br>10/2018           | Thời gian nghiệm thu: 16/1/2019<br>Xếp loại: Xuất sắc |
| 5  | Xây dựng và đề xuất mô hình sinh kế bền vững cho hộ gia đình ngư dân nghề cá quy                   | CN        | - Mã số: B2022-TSN-10.<br>- Cấp quản lý: Bộ Giáo Dục và Đào tạo.                      | 10/2022-<br>2024              | Chưa nghiệm thu                                       |

|  |   |  |  |  |  |
|--|---|--|--|--|--|
|  | mô nhỏ khu vực ven biển tỉnh Khánh Hòa. |  |  |  |  |
|--|---|--|--|--|--|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

- Các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã kê khai được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: gồm 03 đề tài có số thứ tự [1], [2], [5].
- Hướng nghiên cứu thứ hai: gồm 02 đề tài có số thứ tự [3], [4].

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN              | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang      | Tháng, năm công bố |
|---|---|------------|------------------|--|---|--|---------------------|--------------------|
| <b>I Trước khi được công nhận PGS/TS</b>                |   |            |                  |  |   |  |                     |                    |
| <b>I.1 Bài công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế</b>    |   |            |                  |  |   |  |                     |                    |
| <b>I.2 Bài công bố trên Tạp chí khoa học trong nước</b> |   |            |                  |  |   |  |                     |                    |
| 1   | Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định sử dụng dịch vụ tín dụng vốn vay chính thức tại ngân hàng đối với hộ ngư dân ven biển tại tỉnh Khánh Hòa. | 2          | Tác giả chính    | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN: 0899-7020 |   |  | Số 18 Trang 27-32   | 2010               |
| 2   | Phát triển kinh tế cộng đồng cho khu vực nông thôn Việt Nam.  | 1          | Tác giả chính    | Tạp chí Công nghệ ngân hàng. ISSN: 1859-3682                 |   |  | Số 64 Trang 13-17   | 2011               |
| 3   | Rủi ro trong thị trường tiêu thụ sản phẩm khai thác của ngư dân hiện nay.   | 1          | Tác giả chính    | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN: 0899-7020 |   |  | Số 5 Trang 64-68    | 2011               |
| 4   | Những giải pháp giảm nghèo trong cộng đồng ngư dân nghề khai thác hải sản ven bờ tại khu vực Nam Trung Bộ.                                | 1          | Tác giả chính    | Tạp chí Kinh tế sinh thái. ISSN: 1859- 2317                  |   |  | Số 40 Trang 117-127 | 2011               |

|            |   |   |               |  |  |  |                         |      |
|------------|---|---|---------------|--|--|--|-------------------------|------|
| 5          | Lượng hóa ảnh hưởng của một số yếu tố về điều kiện tự nhiên tới tình trạng nghèo của hộ ngư dân nghề khai thác hải sản ven bờ tại khu vực Nam Trung Bộ. | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN:<br>1859-0012   |  |  | Số 02<br>Trang<br>47-53 | 2011 |
| 6          | Chất lượng tăng trưởng kinh tế trong ngành thủy sản Việt Nam: Nhìn từ khía cạnh hàm sản xuất.   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.<br>ISSN:<br>0899-7020                                       |  |  | Số 13<br>Trang<br>12-17 | 2012 |
| 7          | Mối quan hệ giữa thu nhập và môi trường: Trường hợp tại hộ gia đình ngư dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định.   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.<br>ISSN:<br>0899-7020                                       |  |  | Số 2<br>Trang<br>60-65  | 2012 |
| 8          | Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước tại Việt Nam.   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Công nghệ ngân hàng.<br>ISSN:<br>1859-3682   |  |  | Số 75<br>Trang<br>12-18 | 2012 |
| <b>I.3</b> | <b>Bài công bố trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học</b>  |   |               |  |  |  |                         |      |
| 9          | Giải pháp để thu hút đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay.   | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học “Ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế”, Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh.  |  |  | Trang<br>227-284        | 2011 |
| 10         | Ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam: Một số khuyến nghị chính sách.  | 2 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học “Ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế”, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. |  |  | Trang<br>248-251        | 2011 |
| 11         | Lượng hóa ảnh hưởng của yếu tố gián tiếp tới tình trạng nghèo của hộ gia đình: Một  | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học “Tư duy kinh tế Việt Nam trong đổi mới và hội  |  |  | Trang<br>285-297        | 2011 |

|   |   |   |               |   |                        |  |                             |      |
|---|---|---|---------------|---|------------------------|--|-----------------------------|------|
|   | phương pháp tiếp cận mới trong phân tích nghèo hiện nay.  |   |               | nhập quốc tế”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.  |                        |  |                             |      |
| 12  | Đổi mới cơ chế quản lý trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tại Việt Nam: Một số khuyến nghị chính sách. | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học quốc tế “Cơ chế quản lý các tập đoàn kinh tế nhà nước: Kinh nghiệm của Liên Bang Nga và bài học cho Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động. ISBN: 978-604-59-0113-7. |                        |  | Trang 255-268               | 2012 |
| <b>II Sau khi được công nhận PGS/TS</b>               |   |   |               |   |                        |  |                             |      |
| <b>II.1 Bài công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế</b> |   |   |               |   |                        |  |                             |      |
| 13  | Settlement household livelihoods for poor fishermen: The case of Cam Ranh Reservoir, Khanh Hoa Province.              | 2 | Đồng tác giả  | Asian Journal for Poverty Studies. ISSN: 2477-0531  |                        |  | Tập 1 Số 1 Trang 1-7        | 2015 |
| 14  | The role of socio-economic development after COVID-19 and energy-growth-environment in ASEAN economies.               | 2 | Tác giả chính | Cuadernos de Economía. ISSN: 0210-0266  | SCIE, Scopus (2.7, Q3) |  | Tập 45 Số 127 Trang 171-180 | 2022 |
| 15  | Investment & economic growth: A nexus between domestic investment and foreign direct investment in Vietnam.           | 4 | Tác giả chính | International Journal of Economics and Finance Studies. ISSN: 1309-8055   | SCIE, Scopus (2.6, Q3) |  | Tập 10 Số 4 Trang 1-18      | 2022 |
| 16  | Assessing Multidimensional Energy Poverty and Its Economic Impact on N11 Countries:                                   | 6 | Tác giả chính | Frontiers in Energy Research. ISSN: 2296-598X   | SCIE, Scopus (3.4, Q2) |  | Tập 10 Trang 1-10           | 2022 |

|  |  |   |               |   |                                 |  |                                       |      |
|--|--|---|---------------|---|---------------------------------|--|---------------------------------------|------|
|  | Mediating Role of Energy Efficiency.   |   |               |   |                                 |  |                                       |      |
| 17   | The impact of economic and non-economic determinants on circular economy in Vietnam: A perspective of sustainable supply chain management. | 6 | Đồng tác giả  | Technological and Economic Development of Economy.<br>ISSN:<br>2029-4913<br>eISSN-2029-4921 | SSCI,<br>Scopus<br>(5.9,<br>Q1) |  | Tập 29<br>Số 6<br>Trang<br>1587-1610  | 2023 |
| <b>II.2 Bài công bố trên Tạp chí khoa học trong nước</b> |  |   |               |   |                                 |  |                                       |      |
| 18   | Phát triển tài chính nông thôn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.  | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí KH & ĐT Ngân hàng.<br>ISSN:<br>1859-011X  |                                 |  | Số<br>134<br>Trang<br>20-29           | 2013 |
| 19   | Điều gì ảnh hưởng tới ý định vay vốn của các hộ kinh doanh cá thể.   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120  |                                 |  | Tập<br>544<br>Số 8<br>Trang<br>59-62  | 2013 |
| 20   | Các yếu tố ảnh hưởng tới sử dụng dịch vụ mobile banking.   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120  |                                 |  | Tập<br>555<br>Số 20<br>Trang<br>71-73 | 2013 |
| 21   | Yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp dân doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.                                      | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Công nghệ ngân hàng.<br>ISSN:<br>1859-3682  |                                 |  | Số 86<br>Trang<br>33-40               | 2013 |
| 22   | Tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam: Thách thức và khuyến nghị.  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Công nghệ ngân hàng.<br>ISSN:<br>1859-3682  |                                 |  | Số 85<br>Trang<br>3-10                | 2013 |
| 23   | Tái cấu trúc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước: Một số khuyến nghị.  | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120  |                                 |  | Tập<br>542<br>Số 6<br>Trang<br>15-18  | 2013 |
| 24   | Phát triển và đào tạo nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam.  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí nhân lực khoa học xã hội.<br>ISSN:<br>1866-756X                                     |                                 |  | Tập 5<br>Số 4<br>Trang<br>29-34       | 2013 |

|    |   |   |               |  |  |  |                                     |      |
|----|---|---|---------------|--|--|--|-------------------------------------|------|
| 25 | Relationship between Economic Growth and Employment in Vietnam.                               | 3 | Tác giả chính | Economics Development Journal.<br>ISSN:<br>1859-1116           |  |  | Số 222<br>Trang 40-50               | 2014 |
| 26 | Tăng trưởng xanh tại Việt Nam: nhìn từ quá trình sử dụng năng lượng và mức phát thải khí CO2. | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ.<br>ISSN:<br>1859-0128 |  |  | Tập 17<br>Số Q3<br>Trang 14-25      | 2014 |
| 27 | Độ co giãn việc làm và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam giai đoạn 1996 -2011.                 | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Khoa học & công nghệ.<br>ISSN:<br>1859-0128            |  |  | Số 22<br>Trang 64-67                | 2014 |
| 28 | Đổi mới thể chế-Giải pháp đột phá để tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.                        | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ.<br>ISSN:<br>1859-0128 |  |  | Tập 17<br>Số Q1<br>Trang 39-46      | 2014 |
| 29 | Hàm sản xuất xác định chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa.                          | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề tháng 11<br>Trang 3-6  | 2014 |
| 30 | Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến nghèo trong cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Ninh Thuận.        | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ.<br>ISSN:<br>1859-0128 |  |  | Tập 17<br>Số Q4<br>Trang 46-56      | 2014 |
| 31 | Chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại mobifone Khánh Hòa.                                | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề tháng 7<br>Trang 31-33 | 2014 |
| 32 | Tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam: Nhìn từ đóng góp của yếu tố khoa học công nghệ.             | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Công nghệ ngân hàng.<br>ISSN:<br>1859-3682             |  |  | Số 109<br>Trang 14-23               | 2015 |
| 33 | Hỗ trợ ngư dân làm ăn trong bối cảnh mới.   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Tập 594<br>Số 10<br>Trang 82-84     | 2015 |
| 34 | Ước lượng giá trị cảnh quan môi trường của Vịnh Nha Trang.                                    | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề tháng 6<br>Trang       | 2015 |

|    |  |   |               |  |  |  |  |      |
|----|--|---|---------------|--|--|--|--|------|
|    |  |   |               |  |  |  | 24-26                                      |      |
| 35 | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới việc sử dụng dịch vụ du lịch trực tuyến của du khách nội địa tại thành phố Nha Trang. | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ.<br>ISSN:<br>1859-0128 |  |  | Tập 18<br>Số Q1<br>Trang<br>57-67          | 2015 |
| 36 | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của hộ gia đình về chất lượng dịch vụ truyền hình cáp tại Nha Trang.                | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề<br>tháng 9<br>Trang<br>29-31  | 2015 |
| 37 | Các yếu tố ảnh hưởng tới sử dụng dịch vụ du lịch trực tuyến của du khách tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.        | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề<br>tháng 10<br>Trang<br>50-53 | 2015 |
| 38 | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của các nông hộ Thị Xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.         | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề<br>tháng 2<br>Trang<br>61-64  | 2015 |
| 39 | Tăng trưởng kinh tế và độ co giãn việc làm tại tỉnh Khánh Hòa.   | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số chuyên đề<br>tháng 01<br>Trang<br>32-35 | 2016 |
| 40 | Ứng dụng thương mại điện tử trong ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời kỳ hội nhập.                                   | 3 | Đồng tác giả  | Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ.<br>ISSN:<br>1859-0128 |  |  | Tập 9,<br>Số Q3<br>Trang<br>28-42          | 2016 |
| 41 | Quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa.   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:<br>0866-7120               |  |  | Số 21<br>Trang<br>102-105                  | 2018 |
| 42 | Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng du lịch biển tỉnh Ninh Thuận.   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Tài chính<br>ISSN:<br>2615-8973                        |  |  | Số 861<br>Trang<br>132-134                 | 2018 |
| 43 | Đánh giá năng lực cạnh tranh điểm đến  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Kinh tế và dự báo.<br>ISSN:                            |  |  | Số 18<br>Trang<br>61-64                    | 2018 |



|    |  |   |               |   |  |  |                                   |      |
|----|--|---|---------------|---|--|--|-----------------------------------|------|
|    | du lịch biển tỉnh Ninh Thuận.  |   |               | 0866-7120   |  |  |                                   |      |
| 44 | Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nhân thọ của người dân tại Tp. Quảng Ngãi.                                  | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí Tài chính<br>ISSN:<br>2615-8973   |  |  | Số 10<br>Kỳ 2<br>Trang<br>94-97   | 2018 |
| 45 | Tác động của chính sách giảm nghèo đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa.              | 2 | Đồng tác giả  | Tạp chí nghiên cứu kinh tế.<br>ISSN:<br>0866-7489   |  |  | Tập 5<br>Số 492<br>Trang<br>85-96 | 2019 |
| 46 | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng đối với công việc của người lao động tại khu công nghiệp Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa.        | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Công thương.<br>ISSN:<br>0866-7756  |  |  | Số 7<br>Trang<br>104-107          | 2019 |
| 47 | Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ năng lượng điện mặt trời của hộ gia đình tại thành phố Phan Rang-Tháp Chàm. | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Công thương.<br>ISSN:<br>0866-7756  |  |  | Số 4<br>Trang<br>166-175          | 2020 |
| 48 | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo khu vực miền núi tỉnh Khánh Hòa.            | 3 | Tác giả chính | Tạp chí nghiên cứu kinh tế.<br>ISSN:<br>0866-7489   |  |  | Tập 4<br>Số 503<br>Trang<br>72-79 | 2020 |
| 49 | Mối quan hệ giữa mức phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.                                  | 3 | Tác giả chính | Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ-<br>Kinh tế-Luật và Quản lý.<br>ISSN:<br>2588-1051 |  |  | Tập 6<br>Số 1<br>Trang<br>234-237 | 2022 |
| 50 | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động tại khu công nghiệp Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa.                   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Công Thương.<br>ISSN:<br>0866-7756  |  |  | Số 19<br>Trang<br>250-260         | 2022 |

|   |   |   |               |  |  |  |                                  |      |
|---|---|---|---------------|--|--|--|----------------------------------|------|
| 51  | Một số khuyến nghị để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.                | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Công Thương.<br>ISSN:<br>0866-7756   |  |  | Số 7<br>Trang<br>29-39           | 2022 |
| 52  | Factors affecting incomes of ethnic minority households: a case study in Khanh Vinh district, Khanh Hoa province. | 3 | Đồng tác giả  | Journal of International Economics and Management.<br>ISSN:<br>2615-9856   |  |  | Tập 23<br>Số 2<br>Trang<br>33-44 | 2023 |
| <b>II.3 Bài công bố trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học</b> |   |   |               |  |  |  |                                  |      |
| 53  | Nâng cao khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực nông nghiệp nông thôn Việt Nam.             | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học quốc tế “Hội nhập: Cơ hội và thách thức”, Nhà xuất bản Thống kê.   |  |  | Trang<br>250-259                 | 2012 |
| 54  | Đổi mới thể chế-giải pháp đột phá để tăng trưởng và phát triển kinh tế tại Việt Nam.                              | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học “Thể chế và vai trò của thể chế trong phát triển kinh tế tại Việt Nam”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. |  |  | Trang<br>148-155                 | 2012 |
| 55  | Nhìn lại chính sách pháp luật của nhà nước về hỗ trợ ngư dân trong phát triển kinh tế biển: một số khuyến nghị.   | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học Quốc gia “Các giải pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển”.   |  |  | Trang<br>146-161                 | 2013 |
| 56  | Đổi mới tư duy trong xây dựng và thực thi thể chế góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.            | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học Quốc gia “Kinh tế Việt Nam 2012-2013: Tái cơ cấu doanh nghiệp và cân đối vĩ mô”, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.      |  |  | Trang<br>83-94                   | 2013 |

|    |   |   |               |  |  |  |               |      |
|----|---|---|---------------|--|--|--|---------------|------|
| 57 | Phát triển bền vững tại Việt Nam: thách thức và khuyến nghị.                            | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học Quốc gia “Thực trạng phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu: Thực trạng và những vấn đề đặt ra cho tương lai”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh. |  |  | Trang 53-62   | 2013 |
| 58 | Bối cảnh và những tác động khi Việt Nam tham gia Hiệp định xuyên Thái Bình Dương (TPP). | 2 | Đồng tác giả  | Hội thảo khoa học “Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam”. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh. ISBN: 987-604-73-2092-9.   |  |  | Trang 142-154 | 2013 |
| 59 | Rural finance development in Viet Nam: access from new approach of rural finance.       | 2 | Đồng tác giả  | Hội thảo quốc tế lần thứ tư mạng lưới khu vực về xóa đói giảm nghèo “The 4th International simenar of Regional Network on Poverty Eradication”. ISBN:978-967-5782-95-4   |  |  | Trang 526-544 | 2014 |

|    |   |   |               |  |  |  |               |      |
|----|---|---|---------------|--|--|--|---------------|------|
| 60 | Chính sách tín dụng hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản.                                 | 2 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học “Tín dụng ngân hàng với phát triển kinh tế biển khu vực Nam Trung Bộ”.   |  |  | Trang 117-130 | 2014 |
| 61 | Giải pháp xúc tiến thương mại sản phẩm thủy sản Việt Nam vào thị trường Nga.          | 2 | Đồng tác giả  | Hội thảo “Xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung”.  |  |  | Trang 143-156 | 2014 |
| 62 | Toán học và ứng dụng trong phân tích kinh tế.   | 1 | Tác giả chính | Hội thảo Khoa học “Phương pháp kinh tế lượng và thống kê trong phân tích định lượng kinh tế-tài chính”.  |  |  | Trang 163-167 | 2014 |
| 63 | Sự cần thiết chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.                     | 4 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học “Kinh tế Việt Nam 30 năm đổi mới”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.<br>ISBN:978-604-73-3715-6   |  |  | Trang 99-121  | 2015 |
| 64 | Đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học Quốc gia “Kinh tế Việt Nam 2015: Khơi nguồn động lực tăng trưởng trong bối cảnh mới của hội nhập”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.<br>ISBN: 978-604-927-873-0 |  |  | Trang 761-772 | 2015 |

|    |   |   |               |   |  |  |               |      |
|----|---|---|---------------|---|--|--|---------------|------|
| 65 | Settlement household Livelihoods for poor Fishermen: The case of Cam Ranh Reservoir, Khanh Hoa Province.                                | 2 | Đồng tác giả  | Hội thảo quốc tế lần thứ năm mạng lưới khu vực về xóa đói giảm nghèo: “The 5th International simenar of Regional Network on Poverty Eradication”. ISBN: 978-967-5782-95-4                                 |  |  | Trang 711-721 | 2015 |
| 66 | Thực trạng, định hướng, giải pháp phát triển kinh tế thủy sản Việt Nam hiện đại, hiệu quả, bền vững trong thời kỳ đổi mới.              | 7 | Tác giả chính | Hội thảo Quốc gia về thành tựu 10 năm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ban chấp hành Trung Ương, Ban chỉ đạo Trung Ương tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung Ương 7, Khóa X tại Hà nội. |  |  | Trang 1-61    | 2018 |
| 67 | Các giải pháp nhằm phát triển tỉnh Khánh Hòa để trở thành trung tâm y tế và chăm sóc sức khỏe của tiểu vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. | 2 | Tác giả chính | Hội thảo “Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” do Ban Kinh tế Trung Ương và Tỉnh ủy Khánh Hòa phối hợp tổ chức ngày 31/12/2021 tại Hà nội.                          |  |  | Trang 1-17    | 2021 |
| 68 | Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tại thành phố Nha Trang góp phần thực hiện thành                                    | 1 | Tác giả chính | Hội thảo “Phát triển thành phố Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm   |  |  | Trang 16-32   | 2022 |

|    |  |    |               |   |  |  |            |      |
|----|--|----|---------------|---|--|--|------------|------|
|    | công phát triển bền vững.  |    |               | 2045”, do UBND thành phố Nha Trang tổ chức ngày 29/3/2022.  |  |  |            |      |
| 69 | Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung Ương. | 04 | Tác giả chính | Hội nghị tổng kết Nghị quyết số 39/NQ-TW và Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị, tổ chức tại tỉnh Khánh Hòa ngày 23/6/2022. |  |  | Trang 1-12 | 2022 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau TS: 03 bài thuộc danh mục ISI/Scopus gồm các bài có số thứ tự [14], [15], [16].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |   |   |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |   |   |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |   |   |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |   |   |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |   |   |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |   |   |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |   |   |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |   |   |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PSG/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1   |  |                 |                    |                             |            |
| 2   |  |                 |                    |                             |            |
| ... |  |                 |                    |                             |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1   |  |                           |  |                                  |            |
| 2   |  |                           |  |                                  |            |
| ... |  |                           |  |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                  | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)    | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)                | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế  | Ghi chú |
|----|--|-----------------------------------|---|------------------------------------|--|---------|
| 1  | Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế.                                  | Ủy viên                           | Quyết định số 172/QĐ-ĐHNT ngày 09/3/2016 của Hiệu trưởng.   | Trường Đại học Nha Trang           | Quyết định số 4463/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.                              |         |
| 2  | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý hàng hải và logistics.            | Chủ tịch                          | Quyết định số 880/QĐ-ĐHNT ngày 31/8/2020 của Hiệu trưởng.   | Trường Đại học Nha Trang           | Quyết định số 35/QĐ-ĐHNT ngày 15/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.                   |         |
| 3  | Chương trình đào tạo cao học ngành Quản lý Kinh tế.                          | Ủy viên, Thư ký                   | Quyết định số 1271/QĐ-ĐHNT ngày 03/10/2013 của Hiệu trưởng. | Trường Đại học Nha Trang           | Quyết định số 472/QĐ-BGDĐT ngày 16/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.                               |         |
| 4  | Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. | Ủy viên                           | Quyết định số 568/QĐ-ĐHNT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng.   | Trường Đại học Nha Trang           | Quyết định số 200/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/4/2023 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long. |         |
| 5  | Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Nha Trang.                               | Ủy viên, Tổ phó chuyên trách tiêu | Quyết định số 707/QĐ-ĐHNT ngày 23/6/2022 của Hiệu trưởng    | Trường Đại học Nha Trang           | Quyết định số 108/QĐ-TTKĐ ngày 31/7/2023 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục-Đại             |         |

|  |                        |  |  |
|--|------------------------|--|--|
|  | chuẩn 1,<br>2,3,4,5,6. |  | học Quốc gia Thành phố<br>Hồ Chí Minh. |
|--|------------------------|--|--|

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*  
(*Hồ sơ của ứng viên không có tiêu chuẩn nào không đủ so với quy định để cần đề xuất công trình khoa học thay thế*): Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*



d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....


**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khánh Hòa, ngày 26 tháng 06 năm 2024*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Phạm Hồng Mạnh**